

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH KHỐI KHÔNG CHUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM

ThS. NGUYỄN THÚY NGÀ *

Đặt vấn đề

Nhận biết sâu sắc vai trò của ngoại ngữ trong thời kì hội nhập quốc tế, ngày 30 tháng 9 năm 2008 thủ tướng chính phủ đã phê duyệt đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” nhấn mạnh mục tiêu là đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân đào tạo nhân lực có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá. Đối với giáo dục đại học, đề án chú ý nhấn mạnh việc triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục đại học (cả các cơ sở đào tạo chuyên ngữ và không chuyên ngữ) cho khoảng 10% số lượng sinh viên cao đẳng, đại học vào năm học 2010 - 2011; 60% vào năm học 2015 - 2016 và 100% vào năm 2019 – 2020 phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong xu hướng chung, công tác giảng dạy tiếng Anh đặc biệt là tiếng Anh không chuyên đang được đặc biệt chú ý và quan tâm từ phía xã hội và nhà trường cũng như các cơ quan quản lý giáo dục. Trong quá trình xây dựng các chuẩn tốt nghiệp đầu ra, trường Đại Học Mở TP.HCM nhấn mạnh đào tạo thế hệ sinh viên tốt nghiệp “Năng động cộng ngoại ngữ” bên cạnh các chuẩn kiến thức chuyên môn để có thể đáp ứng được các thách thức mới. Ở cả hai cấp độ chuyên môn và quản lý, hơn lúc nào hết chúng ta ý thức được sự cần thiết của đổi mới phương pháp giảng dạy, mang đến luồng không khí mới cho công tác dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường mà tập trung trước hết vào giảng dạy tiếng Anh, một trong các ngôn ngữ giao tiếp toàn cầu. Bài báo cáo này tập trung phân tích tình hình thực tế công tác giảng dạy và học tập, các phương pháp truyền thống và hiện đại, phân tích dữ liệu từ công tác dự giờ và ý kiến phản hồi của sinh viên đồng thời đưa ra các biện pháp cần có nhằm thay đổi và động viên người dạy lẫn người học trong công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, tập trung phân tích cho phần dữ liệu thực tế của công tác đào tạo tiếng Anh cho sinh viên nhập học khóa 2008, khối không chuyên ngữ.

1. Hiện trạng

Hiện nay công tác giảng dạy tiếng Anh khối không chuyên ngữ trực thuộc khoa Ngoại Ngữ. Kể từ Khóa 2008, sinh viên tất cả các Khoa được thi xếp lớp đầu vào và được phân chia theo chuẩn Khung Chương Trình Chung Châu Âu: A1, A2, B1, B2. Theo đề án đổi mới công tác dạy Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, sinh viên tốt nghiệp ĐH phải đạt bậc 3 tức B1. Khung chương trình chung châu Âu phân loại năng lực ngoại ngữ của người học bao gồm 6 mức trình độ tổng quát như sau:

- Trình độ A (sử dụng căn bản): gồm 2 mức A1 (giao tiếp ‘theo công thức’ - formulaic), và A2 (giao tiếp đơn giản);
- Trình độ B (sử dụng độc lập): gồm 2 mức B1 (giao tiếp độc lập trong một số tình huống hạn chế); và B2 (giao tiếp độc lập trong những tình huống quen thuộc);
- Trình độ C (sử dụng thành thạo): gồm 2 mức C1 (giao tiếp chủ động và thành thạo trong nhiều tình huống đa dạng), và C2 (giao tiếp chủ động và thành thạo trong hầu hết mọi tình huống).

* Phó Trưởng khoa, Phụ trách Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Mở TP.HCM

1.1 Người học: Trình độ đầu vào & thái độ học tập

Tổng số sinh viên: thi xếp lớp đầu vào bằng một bài kiểm tra quốc tế để có thể phân loại sinh viên vào các hệ thống lớp học theo KNLNN có 5.300 sinh viên đăng ký dự thi. Thời gian thi diễn ra trong 6 ngày từ 27/09/2008 đến 03/10/2008 với tổng cộng 105 ca thi. Trong đó có 4.956 sinh viên tham gia dự thi với kết quả thi xếp lớp đầu vào như sau:

1776 sinh viên đạt lớp A1 (tương đương A1 KNNNNCA),

2172 sinh viên đạt lớp A2 (tương đương A2 KNNNNCA)

1008 sinh viên đạt lớp A3 (tương đương B1 KNNNNCA)

Sĩ số trung bình trong các lớp học: 45-55 sinh viên

Khi được tham khảo ý kiến về thái độ học tập ngoại ngữ không chuyên của người học, đa số các nhà quản lý, giảng viên và sinh viên và đều cho rằng thái độ của người học là không phù hợp, đa số sinh viên học để đối phó với kì thi cuối khóa. Sinh viên hầu hết chưa nhận thức được tầm quan trọng của năng lực sử dụng ngoại ngữ trong môi trường công tác sau này. Tuy nhiên, khi tiến hành các biện pháp bảo đảm chất lượng giảng dạy như dự giờ, kiểm tra sĩ số chúng tôi nhận thấy rằng số lượng hiện diện của sinh viên tương đối cao, thái độ học tập tích cực. Chúng tôi tin rằng nếu chất lượng giảng dạy tốt, đáp ứng được nhu cầu người học, việc sinh viên không đến lớp chỉ là những trường hợp bất khả kháng. Nếu mục tiêu của người học là để đạt kì thi cuối khóa cũng không phải là điểm để phàn nàn khi kì thi cuối khóa thực sự là một thước đo chuẩn mực đánh giá được hiệu quả đào tạo của khóa học, quá trình tiến bộ của người học cung cấp số liệu về kết quả mục tiêu môn học.

1.2. Trang thiết bị phục vụ cho 1 lớp học:

- 1 máy cassette
- Bảng, phấn
- Máy pro jector: giảng viên không chủ động sử dụng trong quá trình giảng dạy, chỉ có thể sử dụng khi không có lớp chuyên môn nào sử dụng máy
- Các phần mềm học tiếng: không có
- Chương trình học trực tuyến, ngân hàng câu hỏi: không

Như vậy, xét về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy ngoại ngữ không có gì thay đổi so với những năm 90. Chất lượng giảng dạy lúc này hầu hết phụ thuộc vào giảng viên, với những phương pháp kỹ thuật giảng dạy được lựa chọn.

1.3 Giảng viên

Tổng số giảng viên hiện đang tham gia giảng dạy tiếng Anh khối không chuyên ngữ là 63 trong đó có 22 thạc sĩ, 45 cử nhân. Một số giảng viên đã tham dự các khóa huấn luyện về phương pháp giảng dạy mới do các chuyên gia ngôn ngữ thực hiện. Những giảng viên có trình độ thạc sĩ hầu hết được đào tạo sau năm 2000, là những người được đào tạo về lý thuyết ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy mới nhất. Tuy nhiên, Khoa chưa lưu lại số thống kê đầy đủ để các nhà quản lý có thể thực sự nắm được là đã có bao nhiêu phần trăm giảng viên có tham dự các hội thảo huấn luyện mới về phương pháp giảng dạy. Trong các cuộc họp chuyên môn, Khoa đều phổ biến đến toàn thể các giảng viên về các chủ trương chung của nhà trường, về sự cần thiết của công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh.

1.4 Công tác kiểm tra đánh giá

Hiện nay, trong chương trình đào tạo của các khoa chỉ yêu cầu sinh viên học 10 đơn vị học

trình là tiếng Anh nâng cao 1, tiếng Anh nâng cao 2 và chỉ tính điểm tích lũy cho các môn này, Tiếng Anh căn bản 1 và 2 sinh viên học nhưng không được tính điểm. Điều này không động viên khuyến khích sinh viên theo học tích cực và có hiệu quả các môn học nền tảng là tiếng Anh căn bản. Đối với tất cả các lớp tiếng Anh, điểm hoạt động trong lớp + thi nói là 30%, điểm thi cuối khóa các kĩ năng nghe, đọc, viết là 70%

1.5 Chủ trương của nhà trường:

Trong đề án “Dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân” đối với các cơ sở giáo dục đại học không chuyên ngữ, chương trình đào tạo mới phải có mức kiến thức đạt trình độ tối thiểu là bậc 3 theo KNLNN sau khoá tốt nghiệp. Nhà trường đã có nhiều chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên, tổ chức các khóa huấn luyện về chuyên môn nghiệp vụ, cử các cán bộ lãnh đạo, giảng viên tham dự trao đổi chuyên môn, huấn luyện nghiệp vụ trong nước và tại các nước có kinh nghiệm, nghiên cứu sâu về giảng dạy tiếng Anh như Anh, Mỹ, Úc...

Trong báo cáo trình bày tại hội thảo đào tạo tiếng Anh khối không chuyên ngữ do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức vào tháng 12 năm 2008, theo số liệu thống kê của Bộ từ 59 trường Đại Học phương pháp dạy và học tiếng Anh của các trường vẫn chủ yếu là phương pháp truyền thống, lạc hậu, thiên về dạy ngữ pháp, từ vựng và có xu hướng tập trung quá nhiều vào tiếng Anh chuyên ngành chứ không phải rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Anh. Việc rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết rất ít do cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giảng dạy còn rất nhiều hạn chế. Chúng tôi sẽ dựa vào các dữ liệu thu thập từ thực tế để đánh giá về thực trạng đổi mới phương pháp giảng dạy thực hiện tại Khoa Ngoại Ngữ, khối không chuyên.

2. Phương pháp giảng dạy: truyền thống và tiên tiến

Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, hoạt động giảng dạy và học tập có mối liên hệ mật thiết và là các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu ra của chương trình đào tạo. Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, hiện nay chúng ta đang chứng kiến sự thay đổi trong nhận thức về vai trò của người thầy, người học, về quá trình của người dạy và người học. Jacobs and Farrell (2003) đã đưa ra những thay đổi chính

- Phương pháp giao tiếp (CLT : communicative Language Teaching) , lấy người học làm trung tâm (Learner -centered learning) thay cho quan niệm cũ là người thầy làm trung tâm (teacher-centered)

- Tập trung chú ý đến quá trình học (process) nhiều hơn là sản phẩm đầu ra (product)
- Học là một quá trình giao tiếp xã hội
- Chú trọng đến cá nhân người học
- Đó là sự kết nối giữa nhà trường và xã hội, người học ứng dụng được các kiến thức trong thực tế.

Trong quá trình giảng dạy tiếng Anh, trong khoảng 50 năm gần đây đã trải qua 3 giai đoạn chính:

- Các phương pháp truyền thống (Traditional Approaches: trước những năm 1970)
 - Phương pháp giao tiếp cổ điển (Classic Communicative Language Teaching: 1970 đến những năm 1990)
 - Phương pháp giao tiếp hiện nay (Current Communicative Language Teaching: từ những năm 1990 đến nay)
- (Richards, 2006)

Ở Việt Nam, trong một thời gian dài tùy thuộc vào các quan điểm về giảng dạy và học tập, do các điều kiện về cơ sở vật chất, lớp học quá đông, thời lượng hạn chế, các giảng viên đã chọn

phương pháp Ngữ pháp- Dịch nhằm truyền tải kiến thức nhanh đến người học sau đó được kiểm tra chính bằng các bài tập ngữ pháp và dịch. Đề cập đến phương pháp giảng dạy tiếng Anh tiên tiến tại đa số các quốc gia trên thế giới đang tập trung giảng dạy theo phương pháp giao tiếp với sự đa dạng hóa phù hợp với các đặc điểm của cơ sở vật chất, thái độ và truyền thống giảng dạy và học tập cũng như các yêu cầu đầu ra. Xét ở cấp độ quản lý chuyên môn, Khoa Ngoại Ngữ khuyến khích và tạo điều kiện có thể để giảng viên áp dụng Phương pháp giao tiếp để giảng dạy cho các lớp không chuyên ngữ. Một số đặc điểm chính của Phương pháp giao tiếp hiện nay được tóm tắt như sau:

- Học Ngoại ngữ đạt được kết quả tốt thông qua giao tiếp
- Các hoạt động giảng dạy cung cấp cơ hội thực hành ngôn ngữ cho người học
- Các đề tài liên quan, thú vị, phục vụ mục đích học tập và làm việc đối với người học sẽ thúc đẩy quá trình học tập tốt hơn.
- Tiếp thu ngôn ngữ là một quá trình sử dụng ngôn ngữ có sáng tạo.
- Cá nhân người học có nhu cầu, động cơ học tập khác nhau và mức độ tiếp thu cũng khác nhau.
- Phương pháp này đòi hỏi giáo viên tạo điều kiện cho sinh viên thực hành giao tiếp với nhau, thực hành theo nhóm, theo cặp. GV phải sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống để dạy trong lớp học. Môi trường học tập chính là môi trường giao tiếp thực tế khi người học hợp tác trao đổi thông tin.
- PP này đòi hỏi giáo viên phải lấy người học làm trung tâm: Hướng trung tâm của lớp học đến người học, khi giảng dạy chúng ta phải tính đến mong muốn của người học, trình độ của người học, và thời gian thực hành của người học.

Trong xu thế hiện đại, CLT vẫn được lựa chọn để làm mục tiêu hướng đến trong công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, mặc dù các nghiên cứu tại khu vực châu Á đều cho rằng đây không chỉ là những khó khăn mà còn là những thách thức lớn (Ellis, 1994, Shamin 1996, Iemjinda 2007). Trong thời đại phát triển công nghệ thông tin, hiện nay ứng dụng công nghệ thông tin trong học tiếng Anh đang được triển khai rộng rãi, là công cụ hỗ trợ luyện thực hành tiếng hiệu quả.

3. Đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh không chuyên ngữ tại ĐH Mở:

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên, Khoa Ngoại ngữ đã có những kế hoạch cụ thể chuẩn bị cho công tác đổi mới phương pháp giảng dạy cụ thể như sau:

- Việc tổ chức thi xếp lớp đã phân loại cơ bản trình độ của người học tạo điều kiện cần cho giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như làm việc theo nhóm, theo cặp thúc đẩy học tập như là một quá trình giao tiếp xã hội.
- Ở góc độ quản lý về chuyên môn, Khoa đã tổ chức dự giờ, góp ý cho các giảng viên. Phiếu dự giờ góp ý tập trung vào 4 mục chính:
 - Giáo án giảng dạy
 - Thực hành tiết giảng
 - Kỹ thuật và phương tiện
 - Hoạt động học tập
- Cuối học kì, Khoa cũng đã thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên tìm hiểu về môi trường học tập, giảng viên, môn học cũng như các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.

3.1 Thực tế giảng dạy qua phiếu nhận xét dự giờ

Trong 16 lượt dự giờ có phiếu nhận xét, có 2 giảng viên chọn phương pháp trung tâm hướng về phía giảng viên đứng lớp, 2 chọn phương pháp lấy người học làm trung tâm, 12 giờ giảng còn

lại là sự kết hợp cả hai. Từ trường hợp 2 lớp học nêu trên là chọn người thầy làm trung tâm, các lớp khác đều có các hoạt động giao tiếp (hoạt động cặp, nhóm). Tuy nhiên trong phiếu nhận xét, giảng viên dự giờ đã có ý kiến rằng mặc dù trong lớp học thầy đứng làm trung tâm, nhưng sinh viên trong lớp đã giao tiếp, đối thoại tốt với thầy giáo. Trong các lớp học còn lại, hầu hết ý kiến đều cho rằng trong lớp học đã đạt được mục đích giao tiếp, không khí lớp học tích cực. Các giảng viên đã kết hợp tích cực các phương pháp giảng dạy mới, trong điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu thốn.

Như vậy có thể nhận thấy sự lựa chọn ưu tiên trong các lớp tiếng Anh không chuyên đã được dự giờ đã chọn Phương pháp giao tiếp làm chủ đạo và trung tâm được hướng về cả hai phía: người dạy và người học, tạo được môi trường giao tiếp tiếng Anh hiệu quả trong lớp học.

3.2 Giảng dạy qua phản hồi của người học

Nhằm thu thập thông tin từ phía người học phù hợp với xu hướng hiện nay là nhấn mạnh đến vai trò của những thành phần liên quan trực tiếp trong lớp học, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 60 lớp học của các lớp tiếng Anh căn bản, trực tiếp gửi bảng khảo sát và thu thập được những thông tin phần khởi. Trong 5 mục tìm hiểu ý kiến (về môn học, về giảng viên, hiệu quả đào tạo, giáo trình tài liệu, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo) của sinh viên chúng tôi chọn phân tích phần nhận xét về giảng viên cũng như tính hiệu quả của môn học là những yếu tố ảnh hưởng mật thiết đến công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, là chủ đề chính của diễn đàn khoa học này..

	Đánh giá về giảng viên	RT %	T %	TB %	KT %	KYK %
1	Phát âm rõ, dễ nghe	29.66	53.5	9.64	1.536	0.742
2	Kiến thức ngôn ngữ	28.81	56.09	7.68	0.636	1.589
3	Khả năng khuyến khích sv trình bày ý kiến	25.69	52.38	14.62	1.642	0.847
4	Đáp ứng nhu cầu của học viên	16.47	57.57	17.64	1.748	1.483
5	Phương pháp giảng dạy	18.38	58.95	14.83	1.059	1.642
6	Khả năng làm rõ bài giảng	20.07	56.41	15.68	1.218	1.324
7	Khả năng truyền đạt rõ ràng	23.41	54.08	14.09	1.218	1.695

RT: rất tốt, T: tốt, TB: trung bình, KT: không tốt, KYK: không ý kiến

Số liệu thu thập được cho thấy về năng lực giảng viên có 29.66% SV nhận xét rất tốt và 53.5% tốt cho phần phát âm rõ, dễ nghe là những yêu cầu năng lực tiên quyết đối với một giảng viên Ngoại ngữ. 84.9% SV đồng ý rằng kiến thức của giảng viên về ngôn ngữ là rất tốt và tốt. Về khả năng khuyến khích SV trình bày ý kiến, là một trong các đặc điểm của một lớp học giao tiếp, chúng ta cũng đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía SV. Đặc biệt, đa số SV (77.33%) cho rằng phương pháp giảng dạy của giảng viên đứng lớp là tốt và rất tốt, chỉ có 20 SV (chiếm 1.05%) có ý kiến phương pháp giảng dạy là chưa tốt. Nếu xét về số liệu thống kê, số SV này chiếm một phần thiểu số nhỏ, nhưng khi hướng hiệu quả học tập đến từng cá nhân người học, giảng viên và bộ phận quản lý chuyên môn cũng cần lưu tâm, phân tích.

	Đánh giá về tính hiệu quả của môn học	RT %	T %	TB %	KT %	KYK %
1	Biệt thông tin mới, mở mang kiến thức	12.5	59.38	20.92	0.9	1.271
2	Nâng cao kỹ năng nghe tiếng Anh	12.02	50.95	28.6	2.542	0.689
3	Nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh	11.86	52.86	27.44	1.907	0.9
4	Nâng cao kỹ đọc tiếng Anh	12.45	57.94	22.09	1.218	1.271
5	Nâng cao kỹ viết tiếng Anh	10.59	53.34	27.22	1.907	2.013
6	Giúp giải quyết vấn đề cuộc sống	8.686	36.97	42.11	4.979	2.225
7	Mở rộng cơ hội nghề nghiệp	10.86	44.92	32.79	4.343	2.595
8	Nâng cao kỹ năng làm việc	9.693	44.97	33.53	3.867	2.913
9	Ứng dụng trong công việc	9.163	44.01	34.75	3.761	3.231

RT: rất tốt, T: tốt, TB: trung bình, KT: không tốt, KYK: không ý kiến

Phản hồi về tính hiệu quả của môn học có hơn 60 % sinh viên đồng ý rằng môn học tiếng Anh đã giúp họ nâng cao (rất tốt và tốt) các kỹ năng ngôn ngữ là Nghe (62.97%), Nói (64.72%), Đọc (73.39%), Viết (63.93%) ở mức độ tốt và rất tốt. Tuy nhiên vẫn còn 1.2-2.5% sinh viên phản hồi rằng các kỹ năng đạt được là không tốt. Môn học cũng đã giúp sinh viên mở rộng cơ hội nghề nghiệp, nâng cao kỹ năng làm việc và có tính ứng dụng trong cuộc sống.

Từ 2 nguồn dữ liệu thu thập được, chúng ta có thể nhận thấy đã có những biến chuyển tích cực trong phương pháp giảng dạy và đã đạt được những kết quả nhất định xét cả về phía người dạy và người học. Đa số GV đã ứng dụng phương pháp giao tiếp một cách có chọn lọc, bổ sung cho phù hợp với đối tượng người học cụ thể là những phương pháp giảng dạy được lựa chọn bao gồm 2 định hướng chính: Thứ nhất, là sự kết hợp giữa truyền thống (thầy làm trung tâm) và mới (người học làm trung tâm), kế tiếp mới là hướng trung tâm về phía người học. Các hoạt động giao tiếp như đóng vai, thực hành, thảo luận theo nhóm, cặp đã được các GV sử dụng nhằm thúc đẩy quá trình tiếp thu ngôn ngữ. Đây là bước chuyển cần thiết bởi vì những phương pháp mới cũng cần có một quá trình tạo sự thích nghi từ nhiều phía: quản lý, giảng dạy và học tập. Sinh viên đa số được đào tạo ở bậc phổ thông với phương pháp cũ nhấn mạnh đọc dịch, ngữ pháp cần có thời gian thích nghi với môi trường và phương pháp học tập mới. Phía giảng viên và cán bộ quản lý cũng cần thời gian thích nghi để có những định hướng cập nhật trong giảng dạy.

4. Chiến lược và biện pháp thực hiện

4.1 Các chiến lược đề xuất:

- Xác định sự cần thiết phải thay đổi. Đây là chủ trương chung của Bộ, là định hướng của nhà trường, là nhu cầu của người học và của xã hội sử dụng lao động. Từ sự nhận thức về sự cần thiết, giảng viên sẽ có các bước chuẩn bị về tâm lý, kỹ thuật để sẵn sàng đổi mới phương pháp.

- Xây dựng chuẩn đầu ra, đáp ứng được yêu cầu chung và nhu cầu lao động xã hội: Khoa chủ động trong công tác xây dựng mục tiêu đào tạo của chương trình tiếng Anh không chuyên nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, nhu cầu của thị trường lao động. Hiện nay chủ yếu chương trình mới tập trung vào lĩnh vực giao tiếp cá nhân (tiếng Anh tổng quát), và tiếng Anh chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh, tiếng Anh tài chính kế toán, ngân hàng, Tiếng Anh

chuyên ngành kinh tế, tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học...). Minh chứng là giáo trình giảng dạy hiện nay là New Interchange là một giáo trình tiếng Anh tổng quát phục vụ cho mục đích giao tiếp cá nhân. Hai lĩnh vực khác như tiếng Anh trong môi trường làm việc và tiếng Anh học thuật phục vụ cho học tập nâng cao chưa được chú trọng. Đây là hai lĩnh vực ngôn ngữ quan trọng nhất thiết cần được bổ sung vào định hướng chiến lược giảng dạy ngôn ngữ bởi vì thị trường lao động cần nhân lực có đủ khả năng sử dụng ngôn ngữ cho mục đích công việc, hoặc một bộ phận sinh viên sẽ tiếp tục theo đuổi việc học tập sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân.

- Các khóa huấn luyện giảng viên phải được tổ chức thường xuyên, do các chuyên gia ngôn ngữ thực hiện, đảm bảo các giảng viên nắm bắt và vận dụng được các kĩ thuật giảng dạy mới đáp ứng tốt cho mục đích của chương trình giáo dục ngôn ngữ.

- Thường xuyên phân tích đánh giá: Không thể chỉ dựa vào phản hồi của sinh viên mà phân tích được chất lượng giảng dạy. Thường xuyên dự giờ phân tích về quá trình đổi mới và các tác động tích cực đến quá trình tiếp thu ngôn ngữ của người học đạt được mục tiêu đào tạo.

- Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tiết kiệm thời gian và phát huy các thành quả chung. Cập nhật xây dựng chương trình đào tạo tiếng Anh trên mạng, bổ sung tốt thời lượng thực tập tiếng qua các bài học trực tuyến.

4.2 Biện pháp thực hiện:

Nhằm thực hiện tốt các chiến lược nâng cao chất lượng dạy học, các biện pháp thực hiện phải được theo dõi, đánh giá thường xuyên.

- Tổ chức bộ phận đảm bảo chất lượng đào tạo tại Khoa: định hướng mục tiêu để đạt được thông qua các hoạt động cụ thể về năng lực giảng viên, quá trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá, và kết quả đầu ra. Những điều này chỉ có thể đạt được khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa quản lý chuyên môn, và giảng viên đứng lớp. Cụ thể, tổ chức ghi hình thường xuyên sử dụng làm dữ liệu phân tích về thực trạng giảng dạy, thảo luận về đổi mới phương pháp cũng như các kết quả theo giai đoạn và quá trình. Dựa trên dữ liệu được ghi hình các giảng viên tự đánh giá, đồng thời nhận các ý kiến đóng góp của đồng nghiệp, của bộ phận quản lý chuyên môn.

- Bảo đảm chất lượng chuẩn đầu ra. Giảng dạy là để phục vụ nhu cầu người học, đứng ở góc độ quản lý, chúng ta cần xác định rõ yêu cầu của thị trường lao động, chuẩn bị tốt cho công tác xây dựng chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra đáp ứng được cho thị trường lao động, đạt chuẩn theo như đề án “Dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.” Khoa Ngoại Ngữ đề nghị sẽ sử dụng một số chuẩn đang được phía nhà tuyển dụng, các trường Đại Học đào tạo sau đại học chấp nhận như chứng chỉ B quốc gia, chứng chỉ TOEIC (phiên bản có kiểm tra kĩ năng Nói và Viết), TOEFL để chuẩn đầu ra đáp ứng tốt các mục tiêu học tập: giao tiếp cá nhân, giao tiếp trong môi trường làm việc, chuẩn bị kiến thức để học tập các môn chuyên môn bằng tiếng Anh. .

- Phân tích dữ liệu chuyên môn: Giảng viên tự nhận xét về phương pháp giảng dạy thông qua băng ghi hình, đồng thời góp ý cho phần trình bày của đồng nghiệp. Thực hiện trong kì họp chuyên môn hàng tháng.

- Tiếp tục tổ chức các buổi hội thảo, huấn luyện chuyên môn về các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ mới và có báo cáo tổng kết, ghi nhận các ứng dụng trong thực tế để rút kinh nghiệm, phát huy hiệu quả các kiến thức lĩnh hội được.

- Ghi nhận và có phản hồi tích cực đối với các ý kiến đóng góp về công tác đổi mới phương pháp giảng dạy từ phía giảng viên, để đổi mới phải phục vụ tốt cho giảng dạy tạo được các thành quả thực sự và hữu dụng. Giảng viên sẽ có đóng góp chính thức về các yêu cầu, môi trường cần có để đổi mới không mang tính hình thức, phong trào.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy tiếng Anh cũng sẽ là một phần quan

trọng để đổi mới phương pháp giảng dạy. Khoa chủ động lập đề án, học tập các đơn vị trường học trong và ngoài nước, xây dựng các phần mềm học đánh giá kiểm tra năng lực tiếng qua hệ thống trực tuyến.

Kết luận

Trên đây, chúng tôi đã trình bày và phân tích một phần thực tế công tác đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy quá trình tự đào tạo và năng lực sáng tạo của người học, thực hiện cho khối không chuyên ngữ, bước đầu đã đạt được một số kết quả khích lệ. Đây là một quá trình kế thừa, phát huy hiệu quả và thay đổi lâu dài. Chúng ta, trong lĩnh vực giảng dạy nói chung, và giảng dạy tiếng Anh nói riêng vẫn đang trong lộ trình nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng các mô hình mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Những kết quả bước đầu cần được ghi nhận, phân tích, định hướng thường xuyên, lâu dài cho công tác đổi mới phương pháp giảng dạy trong Khoa và nhà trường. Chúng tôi xin đề nghị các hướng nghiên cứu sâu hơn sẽ tập trung vào phân tích kết quả học tập chuyên môn đạt và chưa đạt được khi thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện hoàn thành mục tiêu chương trình đào tạo Ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ellis, R. (1994). *The Study of Second Language Acquisition*. Oxford: Oxford University Press.
- Iemjinda, M. (2007) Curriculum Innovation and English as a Foreign language teacher development. *Educational Journal of Thailand Vol 1*
- Jacobs, G.M & T.S. Farrell. (2003). Understanding and Implementing the CLT (Communicative Language Teaching) Paradigm. *RELC journal, Vol. 34, No 1*
- Richards, J.C. & T.S.Rodgers.(1986) . *Approaches and Methods in Language Teaching*. Cambridge University Press.
- Richards, J.C. (2005). *Communicative Language Teaching today*. Cambridge University Press.
- Shamin, F. (1996). Learner resistance to innovation in classroom methodology. In Coleman, H. (Ed.), *Society and the language classroom*. Cambridge: Cambridge University
- Vu, T.P.A. (2006). Common european frame work and development and the improvement of English language training in Viet Nam National University. *Science & Technology Development*